

NGOẠI NGỮ VỚI BẢN NGỮ

CẦN THIẾT RÈN LUYỆN KĨ NĂNG THỰC HÀNH TIẾNG CHO SINH VIÊN

LÂM QUANG ĐÔNG

(TS, Đại học Ngoại ngữ, ĐHQG Hà Nội)

1. Khái lược về giáo dục đại học định hướng nghề nghiệp POHE

Giáo dục đại học Việt Nam đang đứng trước những thách thức lớn về chất lượng, ngành nghề đào tạo và sự phù hợp của sản phẩm đào tạo với thị trường lao động. Tờ Vietnam News đã nhận xét: *Hàng năm Việt Nam có khoảng 200,000 sinh viên tốt nghiệp từ các trường đại học và cao đẳng, nhưng chỉ có số ít đáp ứng được yêu cầu tuyển dụng của thị trường. Chương trình đào tạo đại học ở Việt Nam tập trung vào lý thuyết nhiều hơn là thực hành, tạo ra một số lượng lớn sinh viên tốt nghiệp có ít kĩ năng nghề nghiệp. Sinh viên tốt nghiệp thường thiếu tính sáng tạo, hiệu quả và kĩ năng làm việc nhóm.* (VN 05-01-2007). Rõ ràng là thị trường lao động Việt Nam đang rất cần người lao động có kĩ năng “mới” cao. Đó là những người được đào tạo trong hệ thống giáo dục có sự gắn kết với thị trường lao động và ngược lại. Cả “hai thế giới” này - nhà trường và công giới - đều cần phải biết những gì đang diễn ra ở mỗi bên và cả hai đều phải xây dựng được mối quan hệ đôi bên cùng có lợi.

Nghị quyết của Chính phủ số 14/2005/NQ-CP ngày 2 tháng 11 năm 2005 về Đổi mới cơ bản và toàn diện giáo dục đại học Việt Nam giai đoạn 2006-2020 đã xác định 2 định hướng và mục tiêu chính là:

- Xây dựng các chương trình giáo dục đại học theo định hướng nghiên cứu và định hướng nghề nghiệp ứng dụng (hay

các chương trình đào tạo theo định hướng nghề nghiệp).

- Mở rộng quy mô đào tạo, đạt tỉ lệ 200 sinh viên/ 1 vạn dân vào năm 2010 và 450 sinh viên/ 1 vạn dân vào năm 2020, trong đó **khoảng 70-80% tổng số sinh viên theo học các chương trình nghề nghiệp ứng dụng.**

Thực hiện Nghị quyết 14, khung chính sách cho Giáo dục Đại học Định hướng Nghề nghiệp (POHE)¹² đang được xây dựng dưới sự chỉ đạo của Bộ Giáo dục Đào tạo với phương châm là hệ thống giáo dục hướng tới việc truyền đạt, rèn luyện những kiến thức, kĩ năng và năng lực phù hợp cho sinh viên, kết hợp lý thuyết với thực hành trong quá trình học tập và khuyến khích sinh viên học đi đôi với hành, khuyến khích sinh viên học tập lẫn nhau thay vì chỉ học từ người thầy, khuyến khích thiết lập mối quan hệ giữa các cơ sở đào tạo với các cơ quan sử dụng lao động, khuyến khích việc xây dựng các chương trình đào tạo với quy mô rộng, cả đào tạo chính quy và phi chính quy, hệ công và tư, và học tập lâu dài.

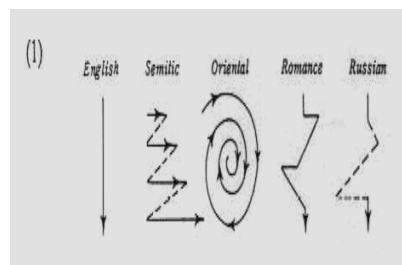
Ngoài các kĩ năng nghiệp vụ cần thiết của những ngành nghề cụ thể mà các trường tổ chức đào tạo, nội dung của POHE còn đặc biệt nhấn mạnh sự cần thiết phải đào tạo các 'kĩ năng mềm' (soft

¹ Đại học Vinh là một trong 8 trường đại học triển khai thí điểm chương trình POHE trong khuôn khổ Dự án Giáo dục Đại học Việt Nam - Hà Lan.

skills) cho sinh viên, chẳng hạn như kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp liên nhân và liên văn hoá (interpersonal and intercultural communication) - một trong những kỹ năng hết sức cần thiết khi giao lưu giữa các nền văn hoá diễn ra ngày càng mạnh mẽ và đa dạng trong một thế giới đang toàn cầu hoá, và ngay trong nước thì kỹ năng này cũng rất cần thiết vì nước ta có tới 54 dân tộc anh em. Một trong những kỹ năng mềm mà chúng tôi quan tâm là kỹ năng sử dụng ngôn ngữ, hay thực hành tiếng, cả ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết, cả tiếng Việt và ngoại ngữ. Vậy kỹ năng thực hành tiếng của sinh viên hiện nay ra sao, chúng tôi xin có vài nhận xét dưới đây.

2. Thực tế kỹ năng thực hành tiếng của sinh viên

Qua quan sát và kinh nghiệm, chúng tôi nhận thấy kỹ năng thực hành tiếng của nhiều sinh viên Việt Nam nói chung còn yếu, kể cả tiếng Việt và ngoại ngữ. Khi được yêu cầu trình bày một ý kiến nào đó của chính mình về một vấn đề khoa học hoặc xã hội, thậm chí những đề tài rất gần gũi với đời sống sinh viên và giới trẻ, nhiều sinh viên khá lúng túng, không biết diễn đạt thế nào cho gãy gọn và rõ ràng, hoặc nói lòng vòng cả mấy phút mà chưa thấy quan điểm của chính họ ở chỗ nào. Điều này chúng tôi không chỉ thấy trên lớp học mà từ năm 1996, khi có chương trình SV96 của VTV3, chúng tôi đã phát hiện được qua các phần thi hùng biện của sinh viên. Thời gian cho phép thường là 3 phút, nhưng nhiều sinh viên nói gần hết 3 phút rồi mà chưa thể hiện được ý kiến của mình vì đã mất quá nhiều thời gian vào những ý khác khá xa với nội dung trọng tâm của câu hỏi/vấn đề. Đánh rằng đây là một mô hình tư duy phổ biến của người Phương Đông như Kaplan (1966) đã trình bày trong sơ đồ dưới đây:



song với thời gian hạn chế như trên, và trọng tâm câu hỏi là ý kiến của chính mình về một vấn đề nào đó thì rõ ràng cách diễn đạt lòng vòng đó không thể phù hợp. Thì giờ là tiền bạc, và người nghe muốn biết ngay diễn giả có quan điểm như thế nào, giải quyết vấn đề ra sao chứ không phải tác giả này tác giả khác bình luận thế nào, hoặc người này nói xyz hay người khác nói zyx, hoặc mô tả tình hình hiện nay ra sao, vì những điều đó người nghe thường là đã biết rồi. Một số diễn giả là nhà khoa học nổi tiếng hoặc cán bộ lãnh đạo cấp cao cũng thể hiện mô hình này khi phát biểu tại nhiều hội nghị, hội thảo mà chúng tôi có dịp được tham dự (chủ yếu với tư cách là phiên dịch), và nhiều khi lời dịch vẫn cứ phải truyền tải tới cử tọa nhưng thực sự may ra đến khi diễn giả đó kết thúc chúng tôi mới lờ mờ hiểu người ấy muốn nói gì. Đây là một trong những "tai nạn nghề nghiệp" (occupational accidents) mà đôi khi chúng tôi gặp phải.

Từ hiện tượng này, chúng tôi có suy nghĩ rằng kiến thức và kỹ năng truyền đạt có thể không phải là một - không phải cứ có kiến thức sâu rộng là tự nhiên có kỹ năng diễn đạt/ truyền đạt tốt, hấp dẫn và rõ ràng. Bằng chứng là chúng tôi đã có lần phải dịch một bài viết của một vị giáo sư đầu ngành lịch sử, nhưng gần một trang giấy khổ A4 là một đoạn, và cũng là một câu với vô vàn mệnh đề phụ (relative clauses) cũng như các loại mệnh đề phụ thuộc (subordinate clauses) khác, làm cho câu văn cực kỳ phức tạp, móc xích lỏng

ghép vào nhau và vất vả lắm chúng tôi mới tách bạch các mệnh đề ra được để dịch sang tiếng Anh (dĩ nhiên, chúng tôi phải chia "câu=đoạn văn" nói trên thành nhiều câu nhỏ mới dịch nổi, và đó có thể coi là một vi phạm nguyên tắc *trung thành* của nghệ biên/phiên dịch). Trong tiếng Anh kiểu câu đó được gọi là *run-on sentences*, câu nọ vòng vo, ghép nối vào câu kia. Tất nhiên, khả năng mở rộng câu về ngữ pháp có thể là vô hạn, nhưng nếu câu quá phức tạp, chẳng hạn như:

The mouse the cat the dog the man the woman the artist painted loved kept chased caught died

(tạm dịch) *Con chuột mà con mèo mà con chó mà người đàn ông mà người đàn bà mà người họa sĩ vẽ yêu nuôi đuổi bắt được chết*

thì khó có thể được người nghe/người đọc tiếp nhận và xử lí. Như vậy, kĩ năng nói, viết có thể vẫn là "gót chân Asin" của nhiều người, trong đó có cả nhà khoa học lẫn chính trị gia, và sinh viên Việt Nam đương nhiên không phải là ngoại lệ. Chúng tôi nhận thấy có sinh viên viết giấy tờ, đơn từ tiếng Việt không đúng quy cách và diễn đạt lủng củng, sai lỗi chính tả, câu què câu cụt khá nhiều, dùng dấu câu, chấm phẩy ngoặc đơn ngoặc kép rất tùy tiện, kể cả khi viết tay lẫn đánh văn bản trên máy vi tính. Những lỗi như vậy còn có thể thấy khá nhiều trên báo chí và các phương tiện thông tin đại chúng hiện nay cũng như nhiều văn bản của một số cơ quan, bộ ngành mà chúng tôi có dịp tiếp cận hoặc phải dịch sang tiếng Anh (nên đôi khi chúng tôi còn kiêm luôn cả công tác hiệu đính và biên tập văn bản tiếng Việt giúp cho họ). Nguy cơ là nếu các phương tiện thông tin đại chúng tiếp tục mắc những lỗi như thế thì sẽ dẫn tới hậu quả có tính "hệ thống" bởi phạm vi ảnh hưởng của chúng rất rộng và rất mạnh, nhất là tới trẻ em đang học tập cách sử dụng ngôn ngữ.

Chúng tôi cho rằng một trong những lí do dẫn tới khiếm khuyết này là người học không được hướng dẫn và rèn luyện một cách có hệ thống và bài bản, kể từ tiểu học cho tới đại học trong hệ thống giáo dục nước ta. Môn Tiếng Việt và một số môn học khác liên quan tới việc sử dụng, thực hành ngôn ngữ nói chung không phải là một môn bắt buộc đối với nhiều ngành đào tạo bậc đại học ở Việt Nam. Ngay cả khi học môn Tin học, một môn bắt buộc trong chương trình đào tạo đại học, sinh viên cũng mới chỉ được làm quen với cách sử dụng máy vi tính và các phần mềm thiết yếu, còn cách thức soạn thảo hay quy tắc trình bày văn bản trên máy tính hầu như không được, hoặc ít được giới thiệu và rèn luyện. Một số giáo viên dạy Tin học cho biết thời lượng dành cho môn Tin học khá hạn chế nên "*sinh viên làm quen và biết sử dụng máy tính là tốt rồi. Những việc ấy [quy tắc soạn thảo, trình bày] thì sinh viên tự học và giáo viên các môn học theo dõi, giúp đỡ thêm thôi...*" (trao đổi cá nhân). Song vì thời gian eo hẹp, công việc nhiều và nặng nề, giáo viên chủ yếu quan tâm tới mặt nội dung chứ ít người chú ý chỉnh sửa hình thức trình bày văn bản cho sinh viên.

Những thực tế trên đây cho thấy cần phải tăng cường rèn luyện kĩ năng thực hành tiếng cho sinh viên hơn nữa trong tất cả các môn học ở bậc đại học chứ không chỉ có bó hẹp trong một vài môn như Tin học, Tiếng Việt thực hành hay Thực hành văn bản tiếng Việt. Sinh viên cần được chỉ bảo, giới thiệu và rèn luyện các kĩ năng này ngay trong nhà trường, nhất là ở đại học. Chúng ta đang thực hiện cuộc vận động học tập theo tám gương Chủ tịch Hồ Chí Minh, và một trong những bài học chúng tôi tâm đắc nhất là cách diễn đạt hùng hồn, khúc chiết mà ngắn gọn, rõ ràng và giản dị, đi sâu vào lòng người của Bác. Có một câu châm ngôn đại ý là *Người vĩ đại là người biết biến cái trừu tượng,*

phức tạp thành cái cụ thể, đơn giản chứ không phải ngược lại. Bác là một người như vậy. Các thầy cô giáo và sinh viên ở các trường đại học cần cụ thể hoá việc học tập tấm gương của Bác bằng những hoạt động thực tiễn trong việc rèn luyện kỹ năng ngôn ngữ. Có như thế, sản phẩm đào tạo của chúng ta mới có thể đáp ứng một trong những yêu cầu của công giới, như chúng tôi đã trình bày ở trên.

Muốn tạo điều kiện cho sinh viên thực hành tiếng, có thể tiến hành biện pháp, cách thức gì, chúng tôi xin góp một vài ý sau đây để các bạn giáo viên trẻ cùng tham khảo.

3. Một vài cách thức rèn luyện kỹ năng thực hành tiếng

3.1. Tập lắng nghe và nhắc lại lời người đối thoại

Tưởng chừng như kỹ năng này không có gì phải bàn, vì hàng ngày người ta vẫn lắng nghe nhau trong các cuộc hội thoại, học trò vẫn nghe hết thầy này cô khác giảng bài 4 - 5 tiết liền một ngày, và vẫn hiểu vẫn nhớ để làm được các bài kiểm tra, bài thi đấy thôi. Sự thực không phải đơn giản như vậy. Chúng tôi đã thử bài tập này ở nhiều đối tượng khác nhau và thấy rằng nghe, hiểu và nhắc lại được ý của người nói là một chuyện, nhưng nhắc lại được nguyên văn lời của người ấy là một chuyện khác. Báo chí gần đây đã có bài nêu hiện tượng một số báo trích dẫn [trích trực tiếp - direct speech] lời của một vị lãnh đạo cao cấp hoàn toàn khác nhau không chỉ về câu cú, ngôn từ mà còn cả về ý, mặc dù phóng viên của họ cùng phỏng vấn vị cán bộ ấy cùng một thời điểm về cùng một vấn đề. Đây là nhắc lại lời của người khác, nhưng thậm chí nhắc lại đúng những gì chính mình vừa nói hoặc diễn đạt lại ý của mình theo một vài cách khác nhau (paraphrase) cũng không phải ai cũng làm được và lúc nào cũng làm được. Có lần, do sinh viên chưa có khả năng tư duy "bằng tiếng Anh" và thường nghĩ ra ý

bằng tiếng Việt trước rồi mới dịch sang tiếng Anh nên mắc lỗi khá nhiều, chúng tôi yêu cầu sinh viên diễn đạt lại ý của họ một cách thật ngắn gọn, trong sáng, đúng ngữ pháp bằng tiếng Việt trước khi nói ý đó bằng tiếng Anh, và thấy một số sinh viên không thể thực hiện được. Điều đó không phải do họ kém cỏi, không thông minh hay thiếu kiến thức mà là do thiếu rèn luyện.

Biết lắng nghe, hiểu đúng và nhắc lại lời người đối thoại là một kỹ năng rất cần thiết trong giao tiếp hàng ngày, đặc biệt là trong các tình huống giao tiếp về công việc, và sinh viên cần phải được rèn luyện ngay từ trường đại học. Một chuyên gia nước ngoài đã nói đùa rằng hễ nhân viên Việt Nam vừa trả lời *yes* vừa tủm tủm cười hay gật đầu thì coi chừng vì lúc đó họ chưa hiểu sếp (người nước ngoài) nói gì đâu, và nếu không chỉ dẫn lại tỉ mỉ hoặc theo dõi sát sao thì thế nào họ cũng làm sai. Nguyên nhân cơ bản là do họ không nắm bắt được kỹ năng giao tiếp cần thiết, hoặc do tâm lý, văn hoá, v.v., nên ngại không dám hỏi lại. Tất nhiên, sai một li sẽ đi một dặm, khi không hiểu được thông điệp người nói muốn truyền tải thì hậu quả sẽ xảy ra ở nhiều mức độ nặng nhẹ khác nhau. Theo nhiều nhà tuyển dụng lao động, đây là một điểm yếu của một số lượng không nhỏ sinh viên khi ra làm việc.

Để sinh viên tập nhắc lại lời người đối thoại, có thể dùng nhiều dạng bài tập khác nhau, chẳng hạn như giáo viên giới thiệu một vấn đề nào đó với 2, 3 câu ngắn và đề nghị sinh viên nhắc lại, hoặc cuối từng phần giảng giáo viên yêu cầu sinh viên tóm lược lại những điểm chính của phần đó. Độ dài của đoạn thoại cần nhắc lại được phát triển dần dần, từ 2, 3 câu ban đầu đến 5 - 6 câu, tiến tới cả một đoạn, một ý trọn vẹn trước khi sinh viên có khả năng tái tạo lại toàn bộ một bài giảng/bài phát biểu dài 3 - 5 phút. Trong giảng dạy và đào tạo kỹ năng thực hành tiếng, kể cả

tiếng Việt lẫn ngoại ngữ, nên đi từ việc bắt chước những mẫu có sẵn tới những bài tập khó hơn, sinh viên được tự do hơn, "trao dần quyền tự chủ cho sinh viên", từ những bài tập có thời gian chuẩn bị đến cuối cùng là sáng tạo tức thời (from imitation to guided talk to ultimately free and spontaneous responses). Đây cũng là một hình thức rèn luyện trí nhớ rất hiệu quả mà bản thân chúng tôi đã trải nghiệm từ thời sinh viên và giúp chúng tôi rất nhiều khi làm phiên dịch sau này.

Kiểm tra đầu giờ để ôn lại bài đã học cho sinh viên bằng hình thức trình bày miệng cũng là một cách để sinh viên luyện tập. Có thể yêu cầu sinh viên luyện tập theo cặp, theo nhóm nhỏ trước khi trình bày chung trước lớp. Việc luyện tập theo cặp hoặc theo nhóm nhỏ còn giúp các em rụt rè, ít nói làm quen và xây dựng dần lòng tự tin, vì khi nói trước cử tọa đông người ta thường bị áp lực nhiều hơn, căng thẳng hơn. Nói chung, giáo viên cần linh hoạt và sáng tạo để thiết kế các bài tập phù hợp và hấp dẫn cho sinh viên vì việc nghe và nhắc lại lời người đối thoại rất dễ trở nên tẻ nhạt và nhàm chán. Nên kết hợp hướng dẫn, giới thiệu và tập luyện những yếu tố khác trong giao tiếp như chiến lược giao tiếp, văn hoá trong giao tiếp, kỹ năng đặt câu hỏi và khai thác thông tin trong giao tiếp, v.v.

3.2. Tập đóng vai giao tiếp

Đóng vai (role-play) là một hoạt động rất sôi nổi, hào hứng, lôi kéo sự tham gia tích cực của sinh viên, kể cả những sinh viên rụt rè, thiếu tự tin, và cũng là hoạt động kích thích sử dụng ngôn ngữ rất nhiều. Việc đóng vai còn kết hợp rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng lập kế hoạch, giải quyết vấn đề, kỹ năng điều hành, kỹ năng viết (viết lời thoại, kịch bản, v.v.) từ những hoạt động nhỏ tới những sự

kiện có quy mô lớn hơn. Theo nhiều nhà sư phạm, đóng vai là một phương pháp rất hiệu quả và áp dụng được cho nhiều đối tượng người học khác nhau từ trẻ em đến người lớn tuổi, cũng như áp dụng cho rất nhiều loại hình môn học khác nhau chứ không riêng giảng dạy ngôn ngữ. Đây cũng là một phương pháp giảng dạy tích cực theo đường hướng lấy người học làm trung tâm (learner-centered, participatory training approach) đang được áp dụng và cổ xúy ở các đơn vị đào tạo trong hệ thống giáo dục Việt Nam nói chung, và giáo dục đại học Việt Nam nói riêng.

3.3. Tập thuyết trình

Gắn bó chặt chẽ với bài tập đóng vai là bài tập thuyết trình, một hình thức luyện tập kỹ năng thực hành tiếng rất tốt và đạt hiệu quả nhiều mặt cho sinh viên. Hơn nữa, thuyết trình còn được coi là một kỹ năng riêng, rất cần thiết cho sinh viên khi ra làm việc ở nhiều ngành nghề khác nhau. Giáo viên có thể giao những đề tài đơn giản cho sinh viên chuẩn bị để thuyết trình, có thể dùng phần mềm PowerPoint để trình chiếu hoặc các phương tiện trực quan khác, thậm chí là "nói vo" - không có giấy tờ, trang thiết bị hỗ trợ gì cả. Những bài giảng của giáo viên đã có sẵn trong sách hoặc tài liệu nào đó có thể giao cho sinh viên đọc, sau đó trình bày lại nội dung và cách hiểu của mình cũng như các ý kiến thảo luận trong nhóm nhỏ hoặc trước lớp thay vào việc giáo viên phải ra sức giảng giải, vừa vất vả vừa đạt hiệu quả không cao.

Còn rất nhiều phương pháp giảng dạy, rèn luyện kỹ năng thực hành tiếng khác mà bài viết không mô tả hết được.

(xem tiếp trang 30)

Beyrouth: observations préliminaires. Truy cập: <http://ifpo.revues.org/index121.html>.

6. Ibtissem Chachou (2009), *Remarques sur le parler urbain de Mostaganem*. Synergies Algérie N° 4, pp.69-81.

7. Đinh Văn Đức (2000), *Bước đầu nhận xét về "tiếng Hà Nội" qua hai xóm mà tôi đã ở*. Ngôn ngữ & văn hóa 990 năm Thăng Long-Hà Nội.

8. Nguyễn Văn Khang (2000), *Khái niệm về "tiếng Hà Nội"*. Ngôn ngữ & văn hóa 990 năm Thăng Long-Hà Nội.

9. Nguyễn Văn Khang (2005), *Đô thị hóa với vấn đề sử dụng ngôn ngữ ở Việt Nam hiện nay*. Tạp chí Xã hội học, số 4. tr.3.

10. Nguyễn Đức Tồn (2008), *Về các khái niệm: Tiếng Hà Nội, tiếng thủ đô trong mối quan hệ với những khái niệm có liên quan (Ngôn ngữ toàn dân, ngôn ngữ dân tộc, ngôn ngữ văn học, phương ngữ, phương ngữ đô thị, phương ngữ nông thôn)*. Ngôn ngữ số 5; tr. 21-22.

11. Nguyễn Đức Tồn (xem chú thích 10).

12. Nguyễn Trọng Báu (2000), *Tiếng Hà Nội và vấn đề chuẩn tiếng Việt toàn dân*. Ngôn ngữ & văn hóa 990 Thăng Long - Hà Nội. Hội Ngôn ngữ học Hà Nội & Khoa Ngôn ngữ học (ĐHKHXH & NVQG); tr.28.

13. Nguyễn Văn Khang (1999), *Ngôn ngữ học xã hội những vấn đề cơ bản*. Nxb KHXH; tr. 109.

14. Nguyễn Văn Khang (1999), *Ngôn ngữ học xã hội những vấn đề cơ bản*. Nxb KHXH; tr. 119.

15. Ferdinand de Saussure (1973), *Giáo trình ngôn ngữ học đại cương*. Nxb KHXH; tr. 330).

16. Nguyễn Thị Ngân Hà (2004), *Tiếng Hà Nội trong sinh viên học tại Huế; Tiếng Hà Nội trong mối quan hệ với tiếng Việt và văn hóa Việt Nam*. Nxb.Lao Động.

(Ban biên tập nhận bài ngày 30-08-2010)

CẦN THIẾT RÈN LUYỆN

(tiếp theo trang 22)

NGÔN NGỮ VÀ VĂN HOÁ

Thông điệp chính trong bài viết này là: các bạn giảng viên trẻ cần ý thức được sự cần thiết phải rèn luyện kỹ năng thực hành tiếng cho sinh viên và áp dụng một cách sáng tạo, linh hoạt các bài tập, các cách thức rèn luyện trong các bài giảng của mình. Ngày nay người thầy không phải là người "biết tuốt", là kênh duy nhất để truyền đạt thông tin, kiến thức tới sinh viên, giảng đường không phải là nơi chỉ để người thầy khoe mình học rộng hiểu nhiều tới mức nào mà người thầy còn phải biết tổ chức quá trình học tập của sinh viên cũng như giúp sinh viên tổ chức quá trình ấy. Việc rèn luyện kỹ năng còn quan trọng hơn nhiều vì kiến thức, thông tin thật mênh mông, sinh viên phải nắm vững những kỹ năng đó để học tập suốt đời chứ không chỉ gói gọn trong mấy năm trời đại học. Mặc dù nhiều ý trao đổi trên đây có thể không mới đối với các bạn giảng viên trẻ, song hy vọng phần nào gợi mở cho các bạn về yêu cầu và nhiệm vụ cũng như phương pháp sư phạm hiện đại để nâng cao chất lượng và hiệu quả bài giảng của mình, tạo ra những sản phẩm đào tạo chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu của công giới hiện nay.

Tài liệu tham khảo

1. Báo Vietnam News ngày 5/1/2007.
2. Dự án Giáo dục Đại học Việt Nam - Hà Lan, Bộ Giáo dục Đào tạo
<http://www.vietnethhep.edu.vn/>.
3. Kaplan, R.B. (1966), "Cultural Thought Patterns in Inter-Cultural Education", in Language learning Vol 16, Issue 1-2, pp. 1-20.
4. Nghị quyết của Chính phủ số 14/2005/NQ-CP ngày 2 tháng 11 năm 2005 về Đổi mới cơ bản và toàn diện giáo dục đại học Việt Nam giai đoạn 2006-2020.

(Ban Biên tập nhận bài ngày 06-09-2010)